

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 06/2022/DS-ST

Ngày 01-06-2022

V/v “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán
trong hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Cư và bà Lê Thị Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST – DS ngày 05/5/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam

Địa chỉ: 198 Trần Quang K, phường Lý Thái T, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Quang D** – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn L – Giám đốc Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN, theo văn bản ủy quyền số 325/UQ-VCB.PC ngày 01/11/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP NT Việt Nam.

Ông Võ Văn L ủy quyền lại cho ông Tôn Long T – Phó trưởng phòng khách hàng bán lẻ, theo văn bản ủy quyền số 94/UQ-NHNT.QNg ngày 14/10/2020.

* Bị đơn: Ông Phan Văn N, sinh năm 1973 và bà Võ Thị C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ dân phố TĐ 2, phường Phổ Th1, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phan Văn Th1, sinh năm 1998

- Chị Phan Thị T1, sinh năm 2000

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố TĐ 2, phường Phổ Th, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tôn Long T trình bày: Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN với ông Phan Văn N, bà Võ Thị C ký các hợp tín dụng gồm:

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 1369/18/KHBL.QNg ngày 04/05/2018 vay của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay 11%/năm, mục đích vay bổ sung vốn mua sắm đồ dùng sinh hoạt gia đình.

Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1044/19/KHBL.QNg ngày 03/04/2019 vay của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 9,5%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh thủy sản các loại.

Để đảm bảo các khoản vay trên ông N, bà C thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 39 phường Phổ Th, thị xã Đức Phổ, diện tích 112m², theo hợp đồng thế chấp số 451/BĐ/KHBL.QNg ngày 26/03/2018, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ đăng ký giao dịch bảo đảm ngày; tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-98596-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 28/03/2018, theo hợp đồng thế chấp số 445/BĐ-KHBL.QNg ngày 26/03/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông N, bà C thanh toán cho Ngân hàng hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 1369/18/KHBL.QNg ngày 04/05/2018

số tiền gốc là 61.640.633 đồng và tiền lãi là 14.229.016 đồng; còn hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1044/19/KHBL.QNg ngày 03/04/2019, ông N, bà C chỉ thanh toán tiền lãi được 45.808.219 đồng, chưa thanh toán tiền gốc cho Ngân hàng. Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc ông N, bà C thanh toán nợ nhiều lần nhưng vẫn chưa thanh toán.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông N, bà C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền của hai hợp đồng vay là 1.408.402.585 đồng (trong đó tiền gốc của hai hợp đồng vay là 1.038.359.367 đồng; tiền lãi trong hạn của hai hợp đồng vay là 264.028.867 đồng; tiền lãi quá hạn của hai hợp đồng vay là 106.014.351 đồng, (tiền lãi tính đến hết ngày 31/05/2022) và yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số dư nợ gốc của hai hợp đồng tín dụng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/6/2022 cho đến khi ông N, bà C thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng. Nếu ông N, bà C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 39 phường Phổ Th, thị xã Đức Phổ, diện tích 112m², theo hợp đồng thế chấp số 451/BĐ/KHBL.QNg ngày 26/03/2018, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ chứng nhận ngày 27/03/2018; tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-98596-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 28/03/2018, theo hợp đồng thế chấp số 445/BĐ-KHBL.QNg ngày 26/03/2018 để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì ông N, bà C phải tiếp tục thanh toán các khoản nợ còn lại cho đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/12/2020, bản tự khai ngày 19/5/2021 bà Võ Thị C trình bày: Năm 2018, vợ chồng bà ký hợp đồng vay của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 11%/ năm, mục đích vay bổ sung vốn mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình; tiếp đến năm 2019, vợ chồng bà tiếp tục vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 9,5%/năm, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh thủy sản các loại. Để đảm bảo hai khoản vay trên vợ chồng bà thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 39 phường Phổ Th, thị xã Đức Phổ, diện tích 112m² và tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-98596-TS. Quá trình thực hiện hợp đồng vay vợ chồng bà thanh toán cho Ngân hàng số tiền 61.640.633 đồng tiền gốc đối với khoản vay 100.000.000 đồng vào năm 2018. Sau đó vì làm ăn thua lỗ nên vợ chồng bà không

có tiền trả nợ cho Ngân hàng theo đúng như hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nay bà thừa nhận vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – chi nhánh QN số tiền gốc của hai hợp đồng vay là 1.038.359.367 đồng; tiền lãi trong hạn của hai hợp đồng vay là 102.591.689 đồng; tiền lãi quá hạn của hai hợp đồng vay là 25.563.827 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 13/10/2020; vợ chồng bà đồng ý trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp vợ chồng bà không trả được nợ thì Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 39 phường Phổ Th, thị xã Đức Phổ, diện tích 112m², tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-98596-TS để thu hồi nợ.

* *Tại văn bản ngày 30/10/2021, ông Phan Văn N trình bày:* Năm 2019, vợ chồng ông có thể chấp tài sản vay tiền của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN để mua tàu và ngư lưới cụ đi đánh bắt thủy sản nhằm phát triển kinh tế xóa đói giảm nghèo, qua năm 2020 và 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 tàu của ông ít đi đánh bắt thủy sản nên không có tiền trả nợ cho Ngân hàng. Do vậy, ông xin gia hạn thời gian để ông đi đánh bắt thủy sản có tiền trả nợ cho Ngân hàng.

* *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phát biểu quan điểm:*

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 323, 325, 463, 466, 470, Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam.

Buộc ông Phan Văn N và bà Võ Thị C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam tổng số tiền của hai khoản vay là 1.408.402.585 đồng (trong đó tiền gốc của hai khoản vay là 1.038.359.367 đồng; tiền lãi trong hạn của hai khoản vay là 264.028.867 đồng; tiền lãi quá hạn của hai khoản vay là 106.014.351 đồng, (tiền lãi tính đến hết ngày 31/5/2022) và tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc của hai khoản vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/6/2022 cho đến khi ông N, bà C thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng. Nếu ông N, bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 39 phường Phổ Th và tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-98596-TS theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông N, bà C phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ còn lại cho đến khi trả xong cho Ngân hàng.

Ông Phan Văn N, bà Võ Thị C phải chịu án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Phan Văn N và bà Võ Thị C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn Th1, chị Phan Thị T1 vắng mặt lần thứ 2 không vì sự bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN cung cấp có tại hồ sơ thì ông Phan Văn N, bà Võ Thị C vay tiền của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN theo các hợp tín dụng:

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 1369/18/KHBL.QNg ngày 04/05/2018 vay của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN số tiền

100.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay 11%/năm, mục đích vay bổ sung vốn mua sắm đồ dùng sinh hoạt gia đình.

Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1044/19/KHBL.QNg ngày 03/04/2019 vay của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 9,5%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh thủy sản các loại.

Để đảm bảo các khoản vay trên ông N, bà C thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 39 phường Phổ Th, thị xã Đức Phổ, diện tích 112m², theo hợp đồng thế chấp số 451/BĐ/KHBL.QNg ngày 26/03/2018, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ chứng nhận ngày 27/03/2018; tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-98596-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 28/03/2018, theo hợp đồng thế chấp số 445/BĐ-KHBL.QNg ngày 26/03/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông N, bà C trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 1369/18/KHBL.QNg ngày 04/05/2018 số tiền gốc là 61.640.633 đồng và tiền lãi là 14.229.016 đồng; còn hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1044/19/KHBL.QNg ngày 03/04/2019, ông N, bà C chỉ trả tiền lãi được 45.808.219 đồng, chưa trả tiền gốc cho Ngân hàng. Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc ông N, bà C thanh toán nợ nhiều lần nhưng vẫn chưa trả nợ.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông N, bà C có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền của hai hợp đồng vay là 1.408.402.585 đồng (trong đó tiền gốc của hai khoản vay là 1.038.359.367 đồng; tiền lãi trong hạn của hai khoản vay là 264.028.867 đồng; tiền lãi quá hạn của hai khoản vay là 106.014.351 đồng, (tiền lãi tính đến ngày 31/5/2022) và yêu cầu tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc của hai hợp đồng tín dụng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/6/2022 cho đến khi ông N, bà C trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 39 phường Phổ Th, thị xã Đức Phổ, diện tích 112m², theo hợp đồng thế chấp số 451/BĐ/KHBL.QNg ngày 26/03/2018, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ chứng nhận ngày 27/03/2018; còn tài sản thế chấp tàu cá mang biển kiểm soát

số QNg-98596-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 28/03/2018, theo hợp đồng thế chấp số 445/BĐ-KHBL.QNg ngày 26/03/2018; ngày 05/01/2021, bà Võ Thị C có giấy cam kết tàu cá đang hoạt động bình thường, không có thay đổi so với thời điểm thế chấp, ngày 12/01/2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn không yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tàu cá và thống nhất với bản cam kết của bên thế chấp. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cam kết tự chịu trách nhiệm về tài sản thế chấp nếu không còn hoặc bị hư hỏng tại thời điểm Tòa án xét xử vụ án, không khiếu nại hay ý kiến gì về việc Tòa án không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối tài sản thế chấp là tàu cá, nên Tòa án không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối tài sản thế chấp là tàu cá.

Do vậy, nếu ông N, bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 39 phường Phổ Th, thị xã Đức Phổ, diện tích 112m², theo hợp hợp đồng thế chấp số 451/BĐ/KHBL.QNg ngày 26/03/2018, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ chứng nhận ngày 27/03/2018; tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-98596-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 28/03/2018, theo hợp đồng thế chấp số 445/BĐ-KHBL.QNg ngày 26/03/2018 để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì ông N, bà C phải có nghĩa vụ tiếp tục trả các khoản nợ còn lại cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

[2.3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Phan Văn N và bà Võ Thị C phải chịu là 4.000.000 đồng, nhưng Ngân hàng TMCP NT Việt Nam đã nộp tạm ứng và đã chi xong, ông N, bà C phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP NT Việt Nam số tiền 4.000.000 đồng.

[2.4] Về án phí: Ông Phan Văn N và bà Võ Thị C phải chịu là 54.252.078 đồng, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP NT Việt Nam.

[2.5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 92, Điều 147, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 299, 317, 318, 319, 320, 323, 325, 463,

466, 470, Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam. Buộc ông Phan Văn N và bà Võ Thị C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam tổng số tiền của hai khoản vay là 1.408.402.585 đồng (trong đó tiền gốc của hai khoản vay là 1.038.359.367 đồng; tiền lãi trong hạn của hai khoản vay là 264.028.867 đồng; tiền lãi quá hạn của hai khoản vay là 106.014.351 đồng (tiền lãi tính đến ngày 31/5/2022) và tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc của hai khoản vay kể từ ngày 01/6/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi ông N, bà C trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

Nếu ông N, bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 39 phường Phổ Th, thị xã Đức Phổ, diện tích 112m², theo hợp đồng thế chấp số 451/BĐ/KHBL.QNg ngày 26/03/2018, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ chứng nhận ngày 27/03/2018; tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-98596-TS được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 28/03/2018, theo hợp đồng thế chấp số 445/BĐ-KHBL.QNg ngày 26/03/2018 để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ thu hồi nợ thì ông Phan Văn N và bà Võ Thị C còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả khoản nợ còn lại cho đến khi ông N, bà C trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Phan Văn N và bà Võ Thị C phải chịu là 4.000.000 đồng, nhưng Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam đã nộp tạm ứng và đã chi xong, ông N, bà C phải hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam số tiền 4.000.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Phan Văn N và bà Võ Thị C phải chịu là 54.252.078 đồng, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 23.497.000 đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam, theo biên lai thu tiền số AA/2018/0004672 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duẩn